

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/DSST
Ngày 12 tháng 7 năm 2021
*"V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Lan**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Anh Dũng**

2. Ông **Đào Công Trình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Tuấn Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa: Ông **Trần Xuân Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2021/TLST-DS ngày 07/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-TA ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Triệu S** - Sinh năm: 1960

Địa chỉ: Tổ 17, khu 7, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Cù Thị P** - Sinh năm: 1979

Nơi ĐKKHKT: Khu 8, xã V (nay là xã V1), huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi tạm trú: Phòng 212, tầng 2, Chung cư B8, khu 6, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(Ông S có mặt, chị P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông **Triệu S** trình bày:

Do mối quan hệ quen biết ông Triệu S đã cho chị Cù Thị P và chồng là anh Lê Hồng Mạnh vay tiền nhiều lần từ ngày 01/3/2017 đến ngày 03/1/2019 với tổng số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Triệu S đã rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Lê Hồng M. Ông Triệu S yêu cầu chị Cù Thị P trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) theo các hợp đồng vay tiền sau:

Ngày 21/01/2018 vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 24/7/2018 và có đặt giấy tờ nhà cho ông S;

Ngày 22/01/2018 vay 30.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 22/4/2018;

Ngày 08/11/2018 vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 08/12/2018;

Ngày 03/1/2019 vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 03/02/2019;

Chị Cù Thị P vay tiền của ông Triệu S mục đích để kinh doanh. Các lần vay tiền đều đã quá hạn, ông S yêu cầu chị P trả tiền vay nhưng chị P không trả. Nay ông S đề nghị Toà án giải quyết buộc chị Cù Thị P phải trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu chị P trả tiền lãi.

Đối với chị Cù Thị P là bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Cù Thị P đã không đến Tòa án để làm việc vì vậy không có lời khai của chị P hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc chị Cù Thị P có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho ông Triệu S số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Triệu S có nghĩa vụ trả lại giấy tờ nhà theo giấy biên nhận vay nợ cho chị P khi chị P đã thi hành xong khoản tiền trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông Triệu S xin tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thông tin trên P tiện thông tin đại chúng và chi phí giám định chữ ký, chữ viết và không đề nghị giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Phòng 212, tầng 2, Chung cư B8, khu 6, phường T, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Các giấy vay tiền của chị Cù Thị P thể hiện thời hạn trả nợ vào các ngày 24/7/2018, 22/4/2018, 08/12/2018 và ngày 03/02/2019 vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông Triệu S còn thời hiệu khởi kiện.

Về sự vắng mặt của các đương sự: chị Cù Thị P đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự mà chỉ mở phiên họp công khai, tiếp cận tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Cù Thị P nhưng chị P vắng mặt không có lý do. Như vậy chị Cù Thị P đã từ bỏ quyền lợi của mình. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Cù Thị P.

[2]. Về nội dung:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Triệu S đã cho chị Cù Thị P vay số tiền 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) cụ thể như sau:

Ngày 21/01/2018 vay 100.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 24/7/2018 và có đặt giấy tờ nhà cho ông S;

Ngày 22/01/2018 vay 30.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 22/4/2018;

Ngày 08/11/2018 vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 08/12/2018;

Ngày 03/1/2019 vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là ngày 03/02/2019;

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cù Thị P không đến Tòa án làm việc vì vậy không có lời khai của chị P về các khoản tiền vay trên. Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã tiến hành Trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của chị Cù Thị P tại các Hợp đồng vay tiền ngày 21/01/2018; 22/01/2018 08/11/2018 và ngày 03/01/2019. Mẫu so sánh để giám định là Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán căn hộ số 15/2015/NPT/HĐMB, đứng tên bên chuyển nhượng Cù Thị P lập ngày 02/01/2018 tại Phòng công chứng số 1, Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ do Phòng công chứng số 1, Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ cung cấp. Tại kết luận giám định số 551/KLHD-PC09 ngày 26/4/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận: Chữ ký đứng tên Cù Thị P

và các chữ Cù Thị P dưới mục “Người vay” trên 04 “Hợp đồng vay tiền” (mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4) so với chữ ký đứng tên Cù Thị P và các chữ “Cù Thị P” dưới mục “Bên B” trên “Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán căn hộ” (mẫu so sánh ký hiệu M) là do cùng một người ký và viết ra.

Căn cứ yêu cầu Xác minh thu thập chứng cứ số 20/YC-VKS-DS ngày 16/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã tiến hành trưng cầu giám định đối với chữ viết “Cù Thị P” (viết tay) sau dòng chữ đánh máy (tên tôi là) và số tiền ghi bằng chữ trên giấy tại các Hợp đồng vay tiền ngày 21/01/2018, 22/01/2018, 08/11/2018; 03/01/2019 có trùng với chữ viết ở mục (người vay) phần cuối hợp đồng vay tiền phía bên phải hợp đồng. Tại kết luận giám định số 770/KLHD-PC09 ngày 30/6/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận:

1. Các chữ “Cù Thị P” tại mục (tôi tên là) trên các “Hợp đồng vay tiền” (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4) so với các chữ “Cù Thị P” dưới mục (Người vay tiền) trên các “Hợp đồng vay tiền” (tài liệu giám định ký TLCGD: A1, A2, A3, A4) là do cùng một người viết ra.

2. Các chữ “Một trăm triệu đồng; Ba mươi triệu đồng chẵn; Năm mươi triệu đồng chẵn” tại mục (bằng chữ) trên các “Hợp đồng vay tiền” (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4) so với các chữ “Cù Thị P” dưới mục (Người vay tiền) trên các “Hợp đồng vay tiền” (tài liệu cần giám định ký TLCGD: A1, A2, A3, A4) là do cùng một người viết ra.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do ông Triệu S cung cấp và Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Triệu S đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Cù Thị P phải trả số tiền gốc còn nợ là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với tiền lãi: ông S không yêu cầu chị P phải trả lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với các giấy tờ chị Cù Thị P đặt làm tin cho ông Triệu S để vay tiền của ông S tại Hợp đồng vay tiền ngày 21/01/2018, ông S phải trả lại cho chị Cù Thị P khi chị P trả hết tiền cho ông S. Các tài liệu chị Cù Thị P đặt làm tin cho ông Triệu S bao gồm: Giấy xác nhận về việc chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ số 15/2015/NPT/HĐMB; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000489 ngày 25/12/2015; Phiếu thu ngày 31/12/2015; Phiếu thu ngày 25/12/2015; Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ số 15/2015/NPT/HĐMB ngày 02/01/2018. Dự án nhà ở cho người thu nhập thấp đường Trần Nguyên Hãn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; Hợp đồng mua bán căn hộ số 15/2015/NPT/HĐMB.

Đối với việc ông Triệu S rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Lê Hồng M là tự nguyện vì vậy không giải quyết trong vụ án.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận nên chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ông Triệu S xin tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thông tin trên P tiện thông tin đại chúng và chi phí giám định chữ ký, chữ viết và không đề nghị giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu S

Buộc chị Cù Thị P phải trả cho ông Triệu S số tiền gốc 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Chị Cù Thị P phải chịu 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Ông Triệu S xin tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thông tin trên P tiện thông tin đại chúng và chi phí giám định chữ ký, chữ viết và không đề nghị giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Triệu S phải trả lại cho chị Cù Thị P các loại giấy tờ khi chị P trả hết tiền cho ông S. Cụ thể các loại giấy tờ sau: Giấy xác nhận về việc chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ số 15/2015/NPT/HĐMB; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000489 ngày 25/12/2015; Phiếu thu ngày 31/12/2015; Phiếu thu ngày 25/12/2015; Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán căn hộ số 15/2015/NPT/HĐMB ngày 02/01/2018. Dự án nhà ở cho người thu nhập thấp đường Trần Nguyên Hãn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; Hợp đồng mua bán căn hộ số 15/2015/NPT/HĐMB.

“Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì;
- Dương sự;
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- Lưu VP, HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Lan

